

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ T.S
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2020/HS-ST
Ngày 10/3/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T.S**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Trường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đăng Thu

Ông Nguyễn Tất Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huệ - Thư ký TAND thị xã T.S.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T.S tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hằng- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 78/2020/TLST-HS ngày 24 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2020/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 02 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Lý Văn Đ, sinh năm 1997 (tên gọi khác: không); ĐKKHKT: N.P, xã H.Đ, thành phố L.S, tỉnh Lạng Sơn; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lý Viết T (Đã chết) và bà Hoàng Thị T1, sinh năm 1968; Vợ là Lâm Thị D, sinh năm 1998; Con: chưa có;

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/11/2019. Hiện đang tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh. Có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn U, sinh năm 1992 (tên gọi khác: không); ĐKKHKT: Thôn B, xã Đ.H, huyện L.N, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn D1, sinh năm 1961 và bà Tạ Thị C, sinh năm 1958; Vợ, con chưa có;

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/11/2019. Hiện đang tạm giam tại trại

tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh. Có mặt tại phiên tòa.

3. Nông Văn Đ1, sinh năm 1996 (tên gọi khác: không); ĐKKHKT: P.M, xã Q.H, huyện T.L, tỉnh Cao Bằng; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nông Văn T, sinh năm 1976 và bà Hoàng Thị N, sinh năm 1976; Vợ, con chưa có;

Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 05/8/2013 bị Công an huyện T.L, tỉnh Cao Bằng xử phạt hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản bằng hình thức phạt tiền. Bị cáo đã chấp hành xong.

Ngày 17/9/2013 bị Công an huyện T.L, tỉnh Cao Bằng xử phạt hành chính về hành vi Gây rối trật tự công cộng bằng hình thức phạt tiền. Bị cáo đã chấp hành xong.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/11/2019. Hiện đang tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 20 phút, ngày 10/11/2019, tại khu vực ngã tư đường L.T.T thuộc phường T.H, thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh, Tổ tuần tra Phòng PK02- Công an tỉnh Bắc Ninh bắt quả tang Lý Văn Đ, Nguyễn Văn U và Nông Văn Đ1 có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Thu giữ 01 túi nilon màu trắng chứa chất tinh thể màu trắng và 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu trắng, đen, bạc, biển kiểm soát 98B2-912.96.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T.S đã trưng cầu giám định và tại bản kết luận giám định số 680/KLGĐMT –PC09 ngày 12/11/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Ninh kết luận:

“Chất tinh thể màu trắng bên trong 01 nilon màu trắng có khối lượng 0,4010 gam; là ma túy; loại ma tU: Methamphetamine.”

Với nội dung trên, bản cáo trạng số 40/CT-VKS ngày 24/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T.S đã quyết định truy tố ra trước Tòa án nhân dân thị xã T.S để xét xử các bị cáo Lý Văn Đ, Nguyễn Văn U và Nông Văn Đ1 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Đ khai nhận: Do bản thân bị cáo thường xuyên sử dụng ma túy nên khoảng 23 giờ ngày 10/11/2020 bị cáo cùng Đ1 và U đang hát karaoke

ở xã H.S huyện T.D, tỉnh Bắc Ninh thì nảy sinh ý định cùng nhau góp tiền để đi mua ma túy về sử dụng. Bị cáo cùng Đ1 và U thống nhất mỗi người đưa cho bị cáo số tiền 100.000đồng để mua ma túy. Bị cáo cầm tiền của Đ1 và U đưa cho sau đó cùng Đ1 và U đi trên một chiếc xe máy biển số 98B2-912.96 do U điều khiển đi ra khu vực thị xã T.S để tìm mua ma túy. Khi đến ngã tư thuộc khu phố D.L, phường T.H, thị xã T.S thì gặp một người đàn ông khoảng 40 tuổi không quen biết đang đứng một mình trên đường và hỏi mua được 01 túi nilon màu trắng chứa ma túy với giá 300.000 đồng. Bị cáo cầm túi nilon chứa ma túy đã vừa mua được. Sau đó, U điều khiển xe máy chở bị cáo và Đ1 đi tìm nơi sử dụng ma túy khi đi đến đoạn đường L.T.T thuộc khu phố D.L, phường T.H thì bị Công an kiểm tra, bắt quả tang, thu giữ và niêm phong vật chứng. Ngoài gói ma túy và xe máy bị thu giữ, các bị cáo không bị thu giữ gì khác.

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Nông Văn Đ1 và Nguyễn Văn U cung khẳng định lời khai của Lý Văn Đ về diễn biến hành vi tàng trữ ma túy của các bị cáo để cùng sử dụng chung là đúng và không khai gì thêm.

Trên cơ sở phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của các bị cáo cũng như xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T.S vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lý Văn Đ, Nguyễn Văn U và Nông Văn Đ1 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 điều 249; điểm s khoản 1(khoản 2 đối với Đ1) Điều 51; Điều 38; Điều 47 Bộ luật hình sự. Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử phạt các bị cáo Lý Văn Đ, Nguyễn Văn U và Nông Văn Đ1 mỗi bị cáo từ 16 đến 19 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 11/11/2019.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy mẫu vật còn lại sau giám định.

Tại phiên tòa, các bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T.S về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời trình bày của những người

làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 23 giờ 20 phút, ngày 10/11/2019 tại khu vực ngã tư đường L.T.T thuộc phường T.H, thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh, các bị cáo Lý Văn Đ, Nguyễn Văn U và Nông Văn Đ1 đã bị bắt quả tang về hành vi tàng trữ trái phép 0.4010 gam chất ma túy Methamphetamine. Đây là số ma túy các bị cáo cùng nhau góp tiền mua với mục đích để sử dụng. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận các bị cáo Lý Văn Đ, Nguyễn Văn U và Nông Văn Đ1 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T.S đã truy tố.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm hại tới chính sách quản lý của Nhà nước về các chất ma túy mà còn làm gia tăng tệ nạn nghiện hút trong xã hội, gây tác hại cho sức khỏe người sử dụng, làm suy thoái giống nòi, tha hóa phẩm giá con người, phá hoại hạnh phúc gia đình và gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm các bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa chung trong nhân dân.

Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy: Các Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải với hành vi phạm tội của mình nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo Đ1 gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Sau khi xem xét, đánh giá tính chất và mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới giúp các bị cáo cải tạo trở thành công dân sống có ích cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo tàng trữ ma túy chỉ để phục vụ nhu cầu sử dụng của bản thân, không có mục đích thu lợi bất chính, bản thân không có nghề nghiệp ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Mẫu vật còn lại sau giám định cần tịch thu tiêu hủy như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

Về án phí: Các bị cáo Đ và U phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Bị cáo Đ1 thuộc diện hộ nghèo nên không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm

Liên quan trong vụ án còn có người đàn ông đã bán ma túy cho các bị cáo. Quá trình điều tra chưa xác định được tên tuổi, địa chỉ cụ thể của người này, vì vậy không đủ căn cứ để Cơ quan điều tra xác minh, làm rõ.

Liên quan trong vụ án còn có chiếc xe máy biển số 98B2-912.96 là phương tiện để các bị cáo sử dụng đi mua ma túy. Quá trình điều tra xác định chiếc xe máy này là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của anh Ma Khánh V, sinh năm 1987 trú tại Làng N, xã B.T, huyện Đ.H, tỉnh Thái Nguyên. Anh V, không biết việc Đ, Đ1 và U sử dụng xe máy của mình để đi mua ma túy. Cơ quan điều tra đã quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe máy trên cho anh Ma Khánh V là hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật.

Ngoài hành vi phạm tội nêu trên bị cáo U khi điều khiển mô tô tham gia giao thông đã vi phạm điểm I và L khoản 3 Điều 6 Nghị định 46/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ đường sắt. Công an thị xã T.S đã ra quyết định xử phạt đối với U.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Lý Văn Đ, Nguyễn Văn U và Nông Văn Đ1 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1(khoản 2 đối với Đ1) Điều 51; Điều 38; Điều 47 Bộ luật hình sự. Điều 106; Điều 136; Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt các bị cáo Lý Văn Đ, Nguyễn Văn U và Nông Văn Đ1 mỗi bị cáo 16 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 11/11/2019.

Tạm giam các bị cáo mỗi bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì đựng mẫu vật còn lại sau giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Ninh (theo biên bản giao nhận vật chứng).

Về án phí: Các bị cáo Lý Văn Đ và Nguyễn Văn U mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Nông Văn Đ1 không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND thị xã T.S;
- Công an thị xã T.S;
- Chi cục THADS thị xã T.S;
- những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trọng Trường